

Bản án số: 609/2018/DSST

Ngày: 29-6-2018

V/v “ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hải Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Đình Tiến

2/ Bà Lâm Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Lan Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 1252/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 121/2018/QĐXXST-NHGD ngày 13 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị Ái L ; sinh năm 1983; địa chỉ: 130/42 đường A, Phường B, quận T , Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Minh Thọ; sinh năm 1985; địa chỉ: 130/42 đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN :

Nguyên đơn trình bày: bà và ông Phạm Minh T1 tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2014, có đăng lý kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Lâm Đồng. Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ký ngày 10/2/2014.

Sau khi kết hôn được một năm thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do ông T1 mê cờ bạc, tính cách gia trưởng, không chăm lo cho gia đình. Hiện nay ông T1 bỏ đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Nay nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải, tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Về con chung: có hai con chung tên Phạm Nguyễn Minh H , sinh ngày 09/9/2014 và Phạm Gia H1, sinh ngày 09/12/2016. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn, ông Phạm Minh T1 trình bày: ông thống nhất với lời trình bày của bà L về thời gian, địa điểm kết hôn. Trong quá trình chung sống, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn

nhưng không đến mức phải ly hôn. Do còn thương vợ và hai con còn nhỏ nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung, nếu phải ly hôn, ông yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Minh H, sinh ngày 09/9/2014 giao bà Ly nuôi con chung tên Phạm Gia H1, sinh ngày 09/12/2016. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Tại phiên tòa hôm nay :

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên các yêu cầu đã trình bày về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung.

Về con chung, nếu ông T1 yêu cầu được nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Minh H , sinh ngày 09/9/2014 thì bà đồng ý giao con chung tên H cho ông T1 nuôi dưỡng, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng :

Nguyên đơn, bà Hoàng Thị Ái L có đơn xin ly hôn với Bị đơn, ông Phạm Minh T1 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý giải quyết là đúng theo quy định của pháp luật về thẩm quyền.

Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ Bị đơn đến Tòa để tham dự phiên tòa xét xử sơ thẩm nhưng Bị đơn đều vắng mặt không lý do. Do đó căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Bị đơn.

Về pháp luật nội dung :

Đối với yêu cầu xin ly hôn của Nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 13 ký ngày 10/2/2014 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện N, tỉnh Lâm Đồng, thì hôn nhân của bà L và ông T1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Theo bà L trình bày thì mâu thuẫn do ông T1 mê cờ bạc, tính cách gia trưởng, không chăm lo cho gia đình. Nhận thấy mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không thể hòa giải, tình cảm không còn, bà yêu cầu được ly hôn với ông T1.

Ông T1 xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn do còn thương vợ và hai con còn nhỏ. Tuy nhiên, sau đó Tòa án đã triệu tập ông T1 đến Tòa án để tham dự phiên hòa giải và phiên tòa xét xử vụ án ly hôn nhưng

ông T1 không đến chứng tỏ sự thiếu thiện chí trong việc mong muốn giải quyết mâu thuẫn gia đình.

Do mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L .

Về con chung: có hai con chung tên Phạm Nguyễn Minh H , sinh ngày 09/9/2014 và Phạm Gia H1, sinh ngày 09/12/2016. Bà L đồng ý giao con chung tên Phạm Nguyễn Minh H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, bà L nuôi con chung tên Phạm Gia H1. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy cả bà L và ông T1 cùng thống nhất về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao con chung tên Phạm Nguyễn Minh H cho ông T1 trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Phạm Gia H1 cho bà L trực tiếp nuôi dưỡng. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1, bà L do bà L , ông T1 chưa có yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên khai không có.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 18, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Bà Ly phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, cản trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà Ly đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007472 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

1. Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Ái L được ly hôn với ông Phạm Minh T1
- *Về con chung:* Bà Hoàng Thị Ái L được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia H1, sinh ngày 09/12/2016. Ông Phạm Minh T1 được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm

Nguyễn Minh H , sinh ngày 09/9/2014. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông T1, bà L do bà L , ông T1 chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Hai bên khai không có.

2. Án phí:

Bà Hoàng Thị Ái L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, căn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007472 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự ;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Hải Vân

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

Hội đồng xét xử với thành phần gồm có:

Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Lê Đình Tiến

2/ Bà Lâm Thị Thanh Thúy

Căn cứ vào Điều 264 Bộ luật tố tụng dân sự; đã tiến hành nghị án đối với vụ kiện về “ly hôn” thụ lý số 1252/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2017.

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án và sự trình bày, tranh luận và xác nhận của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định những vấn đề sau:

1/ Về điều luật áp dụng :

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 272, Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; tiểu mục 1.1 khoản 1 mục II Danh mục án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015

Căn cứ Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Đã sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Kết quả biểu quyết: 3/3

2/ Về nội dung:

Chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Ái Ly được ly hôn với ông Phạm Minh Thọ.

- *Về con chung:* Bà Hoàng Thị Ái Ly được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Gia Hưng, sinh ngày 09/12/2016. Ông Phạm Minh Thọ được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Nguyễn Minh Hoàng, sinh ngày 09/9/2014. Hoàn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông Thọ, bà Ly do bà Ly, ông Thọ chưa có yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Hai bên khai không có.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3/Về án phí ly hôn sơ thẩm :

Bà Hoàng Thị Ái Ly phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, căn trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Ly đã nộp theo biên lai số AA/2017/0007472 ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã sửa đổi bổ sung năm 2014.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Án xử công khai đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án. Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình; Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị theo luật định.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Buổi nghị án kết thúc lúc giờ ngày 29/6/2018. Các thành viên đã đọc lại biên bản và ghi nhận đúng nội dung đã quyết định.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Đình Tiến

Lâm Thị Thúy Ngọc

Lê Hải Vân